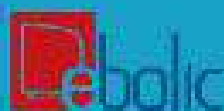


Huân chương Newbery 1931

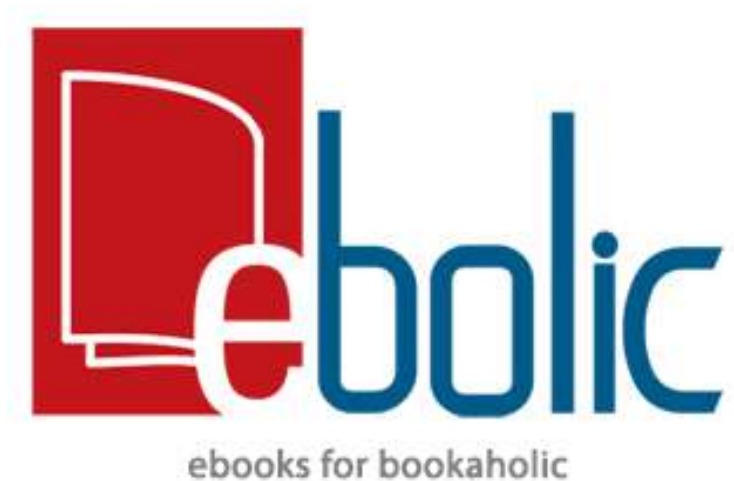
ELIZABETH COATSWORTH



Con mèo trời



Tác phẩm: **Con mèo trời**
Nguyên tác: **The Cat Who Went to Heaven**
Tác giả: **Elizabeth Coatsworth**
Thể loại: **Ngụ ngôn**
Dịch giả: **Hoàng Thạch Quân**
Nhà xuất bản: **Trẻ**
Năm xuất bản: **08/2014**



Dự án Ebolic #10

Shooting: **Nguyễn Huyền**

Typing: **Amy**

Checking: **Trang**

Leading & Packaging: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **30/4/2017**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận sách.



Elizabeth Coatsworth

Sinh ngày 31 tháng Năm năm 1893 ở Buffalo, New York, Mỹ. Bà tốt nghiệp Vassar College năm 1915, sau đó hoàn thành chương trình thạc sĩ tại trường Đại học Columbia năm 1916. Thuở niên thiếu và sau khi tốt nghiệp, bà đã đi du lịch nhiều nơi trên thế giới. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, bà đang ở Anh; trong khoảng 1916-1918, bà đã dành 13 tháng chu du khắp châu Á. Tinh thần ham mê xê dịch cùng những trải nghiệm của bà ở nhiều quốc gia khác nhau đã đóng một vai trò quan trọng trong các sách và thơ của Coatsworth.

Coatsworth bắt đầu sáng tác thơ từ năm 1914 và có thơ được đăng trên nhiều tạp chí khác nhau. Cuốn sách đầu tay của bà, tập thơ *Dấu chân cáo*, được phát hành năm 1923. Năm 1927, bà xuất bản cuốn *Con mèo và thuyền trưởng*, cuốn sách sau đó được chỉnh sửa và tái bản năm 1974. Năm 1930, bà ra mắt cuốn *Con mèo trời*, câu chuyện dựa trên một truyện ngụ ngôn Nhật Bản nói về lòng từ bi của Phật dành cho tất cả các loài vật. Cuốn sách được Newbery Award năm 1931 này là minh chứng cho thấy sự ngưỡng mộ văn hóa phương Đông và tình yêu thiên nhiên của tác giả, chủ đề còn trở đi trở lại nhiều lần trong các sáng tác của bà. Năm 1955, bà nhận được bằng tiến sĩ danh dự của Đại học Maine.

Ngày xưa ngày xưa, ở nước Nhật xa xôi, trong một căn nhà nhỏ có một chàng họa sĩ nghèo ngồi mộc mình. Chàng đang đợi bữa tối. Bà lão giúp việc đã đi chợ, còn chàng thì ngồi thờ dài, mơ tưởng đến những món ăn bà sẽ mang về. Bà đi đã lâu và chàng ngóng bà từng giây từng phút, tưởng bà sẽ xuất hiện ngay nơi cửa, cúi chào rồi mở chiếc giỏ nhỏ ra để khoe với chàng bà đã khéo tiêu tiền như thế nào. Nghe tiếng chân bà, chàng bật dậy. Chàng đói mốc meo rồi!

Nhưng bà vẫn nấn ná ở cửa với chiếc giỏ đầy kín.

“Thôi nào,” chàng trai van vỉ, “bác mua gì thế?”

Bà lão run rẩy, hai tay giữ chặt lấy chiếc giỏ. “Thưa cậu chủ,” bà lão nói, “tôi thấy nhà ta cô quạnh quá.” Khuôn mặt nhiều nếp nhăn của bà trông vừa đáng thương vừa ương bướng.

“Cô quạnh ư!” chàng họa sĩ nói. “Cháu cũng nghĩ vậy! Ta chẳng có gì đãi khách thì khách nào đến nhà ta? Cháu còn quên mất cả mùi bánh gạo rồi. Lâu lắm chả được miếng nào!” Và chàng lại thờ dài, bởi vì chàng thích bánh gạo nếp, và bánh xếp, rồi cả bánh thạch đậu ngọt nữa. Chàng thích được uống trà trong những chiếc tách sứ tinh xảo cùng bạn bè, hay ngồi trên nệm êm, cùng đàm đạo về cảnh hoa anh đào đang nở trong góc phòng, trông như một nàng công chúa nhỏ nhắn. Nhưng lâu nay chẳng ai đoái hoài tới tranh của chàng. May là thỉnh thoảng vẫn còn có tép vụn mà ăn. Nếu không sớm bán được một bức tranh, thì tép vụn cũng chẳng còn. Chàng lại đưa mắt nhìn chiếc giỏ. Có lẽ bà lão đã mua được một hay hai củ cải, hay một trái đào chín nấu quá nên người ta không buồn mặc cả.

“Cậu chủ,” bà lão nói khi thấy chàng nhìn chiếc giỏ, “dạo gần đây tôi thường hay bị lũ chuột phá làm mất ngủ.”

Nghe vậy chàng cười phá lên.

“Chuột hả?” chàng lặp lại. “Chuột sao? Bác ơi, chuột nào vào nhà nghèo như nhà ta? Đến hạt tấm cũng chả có mà ăn.”

Rồi chàng nhìn bà giúp việc và một nỗi nghi ngờ đáng sợ xâm chiếm lấy đầu óc chàng.

“Bác chẳng mua gì ăn!” chàng nói.

“Thưa đúng,” bà lão buồn bã nói.

“Bác mang mèo về chứ gì!” chàng họa sĩ nói.

“Thật không thể giấu cậu chủ được điều gì!” bà giúp việc trả lời và cúi mình thật thấp.

Lúc này chàng họa sĩ đứng bật dậy, sai bước đi lui đi tới trong phòng và vò đầu bứt tóc, chàng nghĩ mình sẽ chết vì đói và giận

“Mèo! Mèo! Mèo!” chàng la lên “Bác điên rồi hả? Chúng ta sắp chết đói đến nơi rồi bác còn rước về nhà một con yêu tinh, rồi còn phải cho nó ăn, có khi đêm nó còn hút máu người cũng chưa biết chừng? Phải! Rồi đây ta sẽ giết mình tỉnh giấc thấy con yêu tinh mắt to như đèn lồng căn cổ ta! Nhưng có lẽ bác đúng! Có lẽ chúng ta khổ quá nên chẳng thà chết ngay cho rồi, và để con yêu tinh ngoạm xác ta mang lên mái nhà!

“Nhưng cậu chú ơi, cậu chủ, cũng có những con mèo tốt chứ!” bà lão tội nghiệp kêu lên. “Cậu đã quên câu chuyện cậu bé vẽ những bức tranh mèo trên các tấm bình phong trong ngôi chùa bỏ hoang, rồi chui vào một hộc tủ để ngủ, và nửa đêm nghe thấy những tiếng động huyền ảo sao? Sáng hôm sau khi cậu bé thức dậy, cậu thấy xác của một con chuột khổng lồ đã chết - con chuột đến để giết cậu bé! Và ai đã tiêu diệt con chuột ấy, cậu chủ nói tôi nghe xem? Đó chính là những con mèo của cậu bé, chúng vẫn còn ngồi đó trên tấm bình phong y như khi cậu bé vẽ chúng, nhưng móng của chúng có vết máu! Và cậu bé sau đó trở thành một họa sĩ tài ba như cậu. Chắc chắn là có nhiều con mèo tốt, thưa cậu chủ.”

Rồi bà bắt đầu khóc. Chàng họa sĩ ngừng lại và nhìn những giọt lệ chảy ròng ròng trên gò má đầy nếp nhăn của bà lão. Việc gì phải giận nhỉ? Chàng đã từng bị đói rồi cơ mà.

“Thôi được,” chàng nói, “đôi khi có một con yêu tinh trong nhà lại là điều may, vì nó xua đuổi những con yêu tinh khác. Chắc là con mèo của bác đang muốn ăn đấy. Có lẽ trong nhà vẫn còn gì đó cũng nên. Ai mà biết được? Thêm một con mèo cũng chẳng đói hơn được.”

Bà lão giúp việc cúi thật thấp để tỏ lòng biết ơn.

“Trong trấn này không ai tốt hơn cậu chủ,” bà nói, toan mang chiếc giỏ vào bếp.

Nhưng chàng trai ngăn bà lại. Chàng cũng tò mò như bao họa sĩ khác.

“Để xem xem thế nào,” chàng nói, vờ rằng chẳng quan tâm.

Thế là bà lão đặt chiếc giỏ xuống và mở nắp ra. Lúc đầu chẳng thấy gì. Rồi một chiếc đầu tròn trắng xinh từ từ nhô lên trên giỏ tre, hai con mắt vàng tròn xoe nhìn xung quanh căn phòng và một chiếc móng trắng nhỏ xíu hiện ra trên vành giỏ. Bất thành linh, con mèo nhỏ nhảy phốc xuống chiếu nhẹ như bay, và đưa mắt nhìn quanh bối rối. Lúc này chàng họa sĩ mới thấy nó là một cô mèo, với những đốm vàng và đen ở hai bên thân, đuôi nhỏ như đuôi thỏ, và mọi cử chỉ của nó đều hết sức duyên dáng.

“Ồ, một con mèo tam thể,” chàng họa sĩ nói. “Sao bác không chịu nói ngay từ đầu? Theo cháu biết thì chúng là những con vật rất may mắn.”

Ngay khi vừa nghe chàng nói những lời tử tế như vậy, cô mèo bước về phía chàng và cúi đầu chào chàng, trong khi bà lão vỗ tay vui mừng. Chàng họa sĩ quên mất cơn đói của mình. Đã lâu lắm rồi chàng không nhìn thấy một con vật nào đáng yêu như con mèo này.

“Cần phải đặt tên cho nó,” chàng tuyên bố, rồi ngồi xuống chiếc chiếu cũ trong khi cô mèo điềm tĩnh đứng trước mặt chàng. “Để cháu xem nào: trông nó giống như một lớp tuyết mới tinh được tô điểm những chấm vàng và đốm sơn mài; nó giống như một bông hoa trắng có hai con bướm khác màu đang đậu; giống như...”

Nhưng đến đây thì chàng ngừng lại. Bởi vì âm thanh của ấm trà ngân nga trên bếp lửa tràn ngập căn phòng nhỏ bé của chàng.

“Thật là mẫn nguyện làm sao!” chàng họa sĩ thở dài. “Như thế này thì còn tốt hơn là ăn cơm.” Rồi chàng nói với bà giúp việc, “Giờ thì cháu nhận ra nhà ta hieu quạnh thế nào rồi.”

“Cho phép lão có ý kiến,” bà giúp việc nói, “hay là chúng ta gọi con mèo này là May?”

Không hiểu sao cái tên này chỉ nhắc chàng họa sĩ nhớ đến tất cả những phiền muộn của chàng.

“Tên nào cũng được,” chàng nói, rồi đứng dậy và siết chặt thắt lưng quanh cái bụng đói meo của mình, “nhưng giờ thì bác mang nó vào bếp ngay đi, để nó khỏi làm vướng chân cháu.” Chàng mở miệng nói thì con mèo nhỏ đã đứng dậy và bước đi, nhẹ nhàng và ngoan ngoãn.

Bài hát đầu tiên của bà giúp việc

Ta nghèo và cũng già rồi,
Mái tóc ta đã điểm bạc nhiều,
Áo ta đầy chỗ vá,
Khăn quàng ta đã bạc màu.

Thần may mắn bụng phệ
Chẳng bao giờ bước qua cửa nhà ta,
Và chẳng có khách nào
Buồn đến đây uống trà.

Ấy vậy ta vẫn ngẩng cao đầu
Bước chân trong thị trấn.
Chờng nào còn phục vụ cậu chủ
Trái tim ta sẽ chẳng cúi đầu!

Sáng hôm sau chàng họa sĩ nhìn thấy cô mèo cuộn tròn nằm trên chiếc gối dựa của mình như một cục bông.

“À ! ta thấy người biết chọn chỗ êm ái nhất rồi đấy!” chàng nói. May ngay lập tức đứng dậy, và đi ra ngoài làm vệ sinh buổi sáng một cách hết sức kỹ lưỡng và khéo léo. Khi bà giúp việc đi chợ về và nấu một bữa ăn khiêm tốn, May không đi đến gần lò bếp, mặc dù cặp mắt của nó thỉnh thoảng vẫn liếc về phía đó và hàng ria trắng như sợi bông của nó giật nhẹ vì đói. Cô mèo có mặt ở trong phòng khi bà lão giúp việc mang một chiếc bàn thấp và đặt nó trước cậu chủ. Tiếp đến là một tô canh cá - có trời mà biết bà lão giúp việc đã xoay xử bằng cách nào để có được con cá đó! - nhưng May giữ đúng phép tắc và hướng mắt nhìn đi nơi khác.

“Phải nói là,” chàng họa sĩ lên tiếng, hài lòng vì hành vi của cô mèo, “nó hiểu rằng nhìn chằm chằm vào người ta ăn là không lịch sự. Cô ả đã được nuôi dạy rất đúng phép. Bác mua nó của ai vậy?”

“Lão mua nó của một người đánh cá ở ngoài chợ,” bà lão nói. “Nó là cô chị cả trong một gia đình mèo. Cậu biết đấy, không có chiếc thuyền nào ra khơi mà không mang theo một con mèo để xua đuổi những con quỷ biển.”

“Xì!” chàng họa sĩ thốt lên. “Mèo không xua đuổi lũ quỷ. Chúng là họ hàng với nhau. Những con quái vật biển để yên cho một chiếc thuyền cho phải phép lịch sự với con mèo, chứ không phải vì sợ nó.”

Bà lão không cãi lại. Bà biết rõ vị trí mình. May tiếp tục ngồi quay mặt vào tường.

Chàng họa sĩ nhấp một, hai muỗng canh. Rồi chàng nói với bà giúp việc, “Nhân tiện bác làm ơn mang cho May một chén cơm khi bác mang cơm lên cho cháu. Chắc là nó đói rồi.”

Khi chén cơm được mang ra, chàng lịch sự gọi con mèo lại. Sau khi đã được mời theo đúng phép tắc, May thôi không nhìn về phía bên kia căn phòng nữa, và đến ngồi cạnh cậu chủ. Nó ăn cẩn thận, từ tốn để khỏi làm dơ chiếc cằm trắng của mình. Mặc dù cô mèo hẳn đang rất đói, cô chỉ ăn một

nửa phần cơm của mình, như thế cô để dành phần còn lại cho ngày hôm sau, cố gắng hết sức để không trở thành một gánh nặng cho cậu chủ của mình.

Ngày tháng cứ như vậy trôi qua. Mỗi buổi sáng chàng họa sĩ yên lặng quỳ trên chiếu và vẽ những bức tranh nhỏ tuyệt đẹp mà không ai mua: những bức tranh vẽ các võ sĩ đeo hai thanh gươm; các quý bà xinh đẹp đang vấn những mái tóc dài như suối; những con quý đang phòng mang thổi gió; và một số bức tranh nhỏ hài hước vẽ những con thỏ đang chạy dưới ánh trăng, hay những con chồn lông xám mập ú vỗ bụng như vỗ trống. Trong khi chàng làm việc thì bà lão cầm những đồng tiền ít ỏi cuối cùng của họ đi chợ; thời gian còn lại bà dành để nấu nướng, giặt giũ, lau chùi và may vá để giữ cho căn nhà trở trọi và số quần áo cũ sờn của họ được thơm tất. Sau khi nhận ra cô chẳng giúp được gì cho ai, May yên lặng ngồi ngoài nắng, ăn rất ít, và thường bỏ ra hàng tiếng đồng hồ liền ngồi cúi đầu trước bức tượng Phật đặt trên một kệ thấp.

“Nó đang cầu nguyện với đấng Giác Ngộ,” bà giúp việc ngưỡng mộ nói.

“Nó đang bắt ruồi đấy,” chàng họa sĩ nói. “Con mèo đốm của bác làm gì bác cũng cho là kỳ diệu.” Có lẽ chàng hơi xấu hổ khi nhớ ra rằng gần đây chàng ít khi cầu khẩn Đức Phật vì trong lòng có nhiều mối lo âu.

Nhưng một ngày nọ chàng buộc phải thừa nhận rằng May không giống như những con mèo khác. Chàng đang ngồi trong phòng riêng của mình ngắm chim sẻ bay ra bay vào những bụi tú cầu ở ngoài sân, thì thấy May từ một chỗ nấp nhảy lên vồ lấy một con chim. Trong tích tắc đôi cánh màu nâu, mái đầu đen, cặp chân khẳng khiu, đôi mắt sợ hãi của con chim đã nằm gọn trong bộ móng mèo. Chàng họa sĩ định vỗ tay xua mèo thả chim ra, nhưng trước khi chàng kịp làm thì chàng thấy May tỏ vẻ ngập ngừng và rời từ từ, từ từ, nó nâng một chiếc móng trắng lên, và rời một chiếc nữa khỏi mình con chim sẻ. Hoàn toàn bình yên, không một vết thương, con chim vỗ mạnh cánh và bay đi.

“Thật là tấm lòng từ bi!” chàng họa sĩ kêu lên, và mắt chàng đắm lệ. Chàng biết rõ con mèo của mình đang đói và chàng biết rõ cảm giác đói là như thế nào. “Ta thật xấu hổ khi gọi một con mèo như vậy là yêu tinh,” chàng nghĩ thầm. “Không chừng, nó còn đức hạnh hơn một vị thầy tu.”

Ngay lúc đó, vào đúng giây phút đó, bà lão giúp việc xuất hiện, cố gắng hết sức để giấu sự kích động của mình.

“Cậu chủ!” bà mở miệng nói ngay khi lấy lại được bình tĩnh. “Cậu chủ! Vị sư trụ trì đang ở đây, ngay ở phòng bên, và muốn gặp cậu. Cậu nghĩ, cậu nghĩ... sư thầy đến đây để làm gì?”

“Sư thầy muốn gặp cháu sao?” chàng họa sĩ gần như không thể tin vào tai mình, bởi vì sư trụ trì là một người rất quan trọng và không có thời gian đi thăm viếng những họa sĩ nghèo không được mấy ai coi trọng. Sau khi bà giúp việc gật đầu lia lịa cho đến khi nó muốn rớt xuống đất, thì đến lượt chàng họa sĩ cũng trở nên kích động như bà lão. Nhưng chàng nhanh chóng trấn tĩnh bản thân.

“Chạy! Chạy ra chợ mua trà và bánh!” chàng kêu lên, nhét vào tay bà lão vật quý giá cuối cùng mà chàng có, đó là chiếc bình hoa vốn thường đứng ở góc phòng với một bó hoa. Dù biết căn phòng sẽ trở nên trống trải khi không có chiếc bình, chàng họa sĩ cũng không ngần ngại: không một vị khách nào rời khỏi nhà chàng mà không được tiếp đãi tử tế. Chàng xấu hổ khi nghĩ rằng chàng đã bắt vị sư chờ đợi dù chỉ là một phút và đã không tự mình chạy ra đón nhà sư ở ngay cửa ra vào. Chàng gần như không nhận thấy May đang cọ mình vào mắt cá chân chàng một cách khích lệ khi chàng vội vã ra khỏi phòng.

Trong phòng bên, vị sư ngồi bất động tọa thiền. Chàng họa sĩ cúi thấp đầu chào, khẽ hít thở, và rồi im lặng ngồi chờ để được tiếp chuyện với vị sư. Chàng có cảm giác như cả một thế kỷ trôi qua trước khi vị sư ngẩng đầu lên và cái nhìn vô định biến mất khỏi mắt ông. Lúc này chàng họa sĩ cúi đầu chào lần nữa và nói rằng sự hiện diện của ông là niềm vinh dự cho ngôi nhà này.

Nhà sư đi thẳng vào vấn đề.

Ông nói, “Chùa của chúng tôi muốn có một bức tranh vẽ cảnh Đức Phật tạ thế để treo trong chùa. Có nhiều họa sĩ đã được đề nghị nhưng chúng tôi không biết chọn ai, vì vậy chúng tôi đã viết tên từng họa sĩ một vào một mảnh giấy và đặt chúng trước chân dung Đức Phật trong chánh điện. Sáng hôm sau tất cả các mảnh giấy đều bị thổi dạt sang một bên trừ mảnh giấy ghi tên anh. Vì vậy chúng tôi biết đó là ý nguyện của Đức Phật. Biết được đôi chút về hoàn cảnh của anh, ta đã mang theo đây một khoản tiền ứng trước để anh yên trí vẽ tranh. Chỉ một ao nước tĩnh lặng mới phản chiếu được hình ảnh rõ ràng. Nếu như bức tranh thành công, như chúng tôi hy vọng, thì tiền đồ của anh sẽ trở nên vững vàng, bởi vì bất cứ những gì được sự hậu thuẫn của chùa đều được ưa chuộng trong thị trấn.” Nói đến đây nhà sư rút từ thắt lưng ra một chiếc túi nặng.

Chàng họa sĩ không nhớ chàng đã cảm ơn vị sư như thế nào, hay mời ông dùng trà, hay cúi đầu chào tiễn ông ra cánh cửa nhỏ hẹp nhà chàng ra sao. Cuối cùng chàng cũng có cơ hội có được tiếng tăm và tiền tài. Chàng có cảm giác như tất cả chuyện này chỉ là một giấc mơ. Tại sao Đức Phật lại chọn chàng mà không phải ai khác? Thời gian gần đây chàng quá buồn nên không thường xuyên cầu khẩn ngài và bà giúp việc thì quá bận rộn. Có lẽ nào Đức Phật đã lắng nghe lời cầu nguyện của một con mèo nhỏ bé? Chàng sợ rằng mình sẽ thức dậy và nhận ra toàn bộ câu chuyện chỉ là một ảo tưởng và túi tiền chỉ chứa đầy lá khô. Có lẽ chàng không bao giờ trở lại thực tại nếu không bị đánh thức bởi một âm thanh kỳ quặc.

Đúng hơn thì đó không phải là một mà là hai âm thanh trộn lẫn nhau. Nó không giống bất cứ âm thanh nào mà chàng họa sĩ đã từng nghe. Vốn là người luôn tò mò, chàng họa sĩ bước vào nhà bếp để xem cái gì gây ra âm thanh ấy, và dĩ nhiên ở đó không có ai khác ngoài bà giúp việc và cô mèo May. Bà lão đang khóc vì vui, còn cô mèo thì đang kêu gừ rừ vì sung sướng, và khó có thể nói ai đang kêu to hơn ai. Trước cảnh tượng đó chàng họa sĩ đã phải bật cười to, nhưng đó không phải là tiếng cười buồn bã xưa nay của chàng, tiếng cười này nghe giống như tiếng cười của một cậu bé, và

chàng ôm chầm lấy cả hai. Bây giờ thì có đến ba âm thanh mừng rỡ trong gian bếp cũ kỹ.

Bài hát thứ hai của bà giúp việc

Giờ hãy để ta cười và để ta khóc
Vì hạnh phúc, cuối cùng ta cũng biết
Cậu chủ sẽ nổi tiếng khi ta nhắm mắt
Và tất cả sự nghèo khó sẽ thuộc về dĩ vãng!
Ta sẽ thấy cát ngoài sân vườn
In dấu chân của những bậc giàu sang,
Và những bậc quyền quý sẽ cùng đứng chuyện trò
Vui vẻ quanh cửa ra vào nhà cậu chủ!

Sáng sớm hôm sau, trước khi mặt trời mọc, bà giúp việc đã thức dậy. Bà lau nhà, quét bụi và cọ rửa cho đến khi những chiếc chiếu óng ánh màu bạc cũ và sàn gỗ thì long lanh màu vàng nhạt. Rồi bà vội vã ra chợ mua một cành hoa để cắm vào chiếc bình mà bà đã mua lại từ tối hôm trước nhờ số tiền trả đợt đầu của nhà sư. Trong khi đó chàng họa sĩ cẩn thận mặc bộ quần áo đẹp mà chàng để dành cho những dịp lễ hội, chải tóc cho đến khi nó óng lên như màu sơn mài, và sau đó đến cầu nguyện trước bàn thờ Phật. May đã ngồi sẵn ở đó, trông rất thành khẩn, nhưng cô mèo ngồi dịch qua một bên ngay khi thấy cậu chủ của mình. Cả hai cùng ngồi trước bức ảnh Phật, thỉnh thoảng chàng họa sĩ khẽ giơ tay lên và vỗ nhẹ để tập trung sự chú ý vào lời cầu nguyện của chàng. Sau đó, chàng cúi thấp đầu để kết thúc trước khi bước sang phòng bên ngồi chỉnh tề trên chiếu. Chưa bao giờ chàng có cảm giác hân hoan và hạnh phúc trong đời như bây giờ.

Hôm nay chàng sẽ bắt đầu vẽ bức tranh Đức Phật tạ thế để nó được treo trong ngôi chùa của làng và có lẽ để con cháu chàng nhiều đời sau được chiêm ngưỡng. Niềm vinh dự này khiến chàng gần như bị choáng ngợp. Nhưng chàng ngồi thẳng người, không biểu lộ cảm xúc, mắt nhìn thẳng về trước như một võ sĩ samurai đang nhận sứ mệnh từ chủ nhân. Xung quanh chàng không có giấy lụa vẽ, không có hộp mực với trang trí hoa văn trên nắp, không có cọ vẽ hay bình nước suối. Chàng cần phải cố gắng hiểu được Đức Phật trước khi có thể vẽ chân dung ngài.

Đầu tiên chàng nghĩ về Đức Phật khi là hoàng tử trẻ tuổi Ấn Độ Siddhartha. Và chàng tưởng tượng căn phòng nhỏ tồi tàn của mình là một căn phòng lớn với những cây cột gỗ dát vàng nâng đỡ trần nhà cao trên đầu. Chàng tưởng tượng mình đang nghe tiếng nước róc rách từ những đài phun nước đầy hương thơm gần đó. Chàng tưởng tượng một nhóm những chiến binh trẻ tuổi đang đứng quanh chàng, những chàng trai vui tính và dí dỏm đang cùng chàng thưởng thức tiếng đàn của một cung nữ qua một nhạc cụ có hình dáng như một con công với một nhúm lông đuôi nhỏ. Chàng tưởng tượng những bụi tú cầu mọc mọc ngoài vườn là một khu rừng đầy cây ăn trái, với hàng cây cọ dẫn xuống một hồ nước đầy hoa sen trắng, hồng, và

những chú chim sẻ quen thuộc là những con thiên nga trắng đang bay ngang qua bầu trời.

Nghe tiếng hí của một con ngựa của một người nông dân đi ngang qua, chàng tưởng tượng đến tiếng hí của những con chiến mã trong chuồng và tiếng rống của một con voi, và lát nữa chàng sẽ ra bên ngoài thi tài cùng những hoàng tử khác để giành lấy công chúa làm vợ. Chàng sẽ kéo được cây cung mà không người đàn ông nào có thể kéo, cưới được con ngựa mà không người đàn ông nào có thể cưới, chặt ngã hai gốc cây bằng thanh gươm của mình trong khi những người khác chỉ chặt được có một, và nhờ vậy giành được công chúa Yosadhara trước sự vui mừng của cả thế giới.

Thậm chí trong giây phút chiến thắng đó, chàng họa sĩ biết trong lòng hoàng tử Siddhartha không mấy may có một chút ác ý nào với những đối thủ của mình. Lòng hoàng tử chỉ tràn đầy lửa nhiệt tình và sự hòa nhã. Một nụ cười nở trên môi chàng. Chàng ngẩng cao đầu như một chú hươu kiêu hãnh bước đi trên cánh đồng cỏ đẫm sương. Chàng nhìn những người bạn đồng hành tưởng tượng xung quanh. Tất cả đều trẻ trung và tráng kiện. Chỉ cần họ ngó lời xin hoàng tử ban cho ân huệ là trái tim Siddhartha sẵn sàng chấp thuận trước khi họ mở miệng. Bầy thiên nga bay qua khu vườn của hoàng tử mà chẳng sợ trúng phải tên bắn. Bầy nai giương mắt đứng nhìn không chút sợ sệt bên cạnh những bụi hoa trong vườn.

Chàng họa sĩ ngồi trên chiếc gối mỏng trong bộ quần áo cũ sờn của mình và tưởng tượng da thịt chàng đang tiếp xúc với lớp quần áo bằng tơ lụa. Tai chàng trĩu nặng vì đeo một đôi bông tai lớn. Quanh cổ chàng là một vòng ngọc trai. Khi bà lão giúp việc dọn lên bữa ăn trưa đơn sơ, chàng họa sĩ tưởng tượng như một đoàn người hầu vừa bước vào, mang trên tay những khay vàng chất đầy những thức ăn ngon và quý hiếm nhất. Khi May bước vào phòng, thận trọng để một chân lên phía trước, chàng tưởng tượng như một vũ nữ, trong đôi hài vàng, vừa xuất hiện để múa vui giúp chàng tiêu khiển.

“Hoan nghênh, vô cùng hoan nghênh!” chàng la lớn cảm kích. Nhưng rõ ràng May không nghĩ rằng trong căn phòng còn có một ai khác vì vậy nó giật bắn người khi nghe chàng lên tiếng, và cong chiếc đuôi trắng bỏ chạy ra khỏi phòng.

“Mày quấy rầy cậu chủ là thật hư nhé!” bà giúp việc quở trách nó. Nhưng chàng họa sĩ không hề bị quấy rầy. Chàng vẫn đang còn là hoàng tử Siddhartha và vẫn đang tự hỏi liệu toàn thể nhân loại có thể hạnh phúc như những người đang sống trong cung điện hoa lệ mà vua cha đã ban cho chàng hay không.

Ngày thứ hai bắt đầu cũng như ngày thứ nhất. Bà giúp việc thức dậy trước khi mặt trời mọc và mặc dù không có một vết dơ hay một hạt bụi ở bất cứ nơi đâu trong nhà, bà vẫn quét bụi, lau chùi, cọ rửa và đánh bóng cho căn nhà như trước. Sau đó bà vội vã đi chợ sớm để mua một cành hoa mới. Chàng họa sĩ cũng thức dậy sớm, tắm rửa sạch sẽ và ăn mặc tươm tất để suy tư về Đức Phật. Và một lần nữa khi chàng đến trước bàn thờ Phật để cầu nguyện, May đã có mặt ở đó, nó yên lặng ngồi trước bàn thờ Phật, trông sáng rực như một bông hoa thủy tiên, đốm lông vàng trông như tim hoa, và đốm lông đen trông như một chú bọ cánh cứng đậu trên cánh hoa. Vừa thấy chàng họa sĩ, cô mèo đã đứng dậy, cúi thấp đầu chào và nhích sang một bên để nhường chỗ cho chủ. Cả hai ngồi im thiền định như trước, thỉnh thoảng chàng họa sĩ lại vỗ nhẹ tay, còn cô mèo thì ngồi yên ngay gần với hai chân trước chụm vào nhau.

Kể đó chàng họa sĩ đi vào căn phòng nằm cạnh những bụi tú cầu. Hôm nay chàng suy tưởng về việc hoàng tử Siddhartha dứt bỏ cuộc sống trần tục. Một lần nữa chàng là hoàng tử, nhưng giờ đây chàng ra lệnh chuẩn bị xe ngựa để vi hành. Trên đường đi, chàng nhìn thấy một ông lão già nua, một người bị bệnh đang lên cơn sốt, và một người chết. Chàng nhìn những chiếc vòng đeo tay của mình, nhưng vàng chẳng thể giúp được gì cho những người này. Chàng, hoàng tử của vương quốc, cuối cùng nhận ra mình bất lực và vô dụng.

Chàng họa sĩ cúi đầu nặng nề trước ngực. Chàng tưởng mình người thấy mùi hoa thơm, nhưng hương thơm của hoa chỉ làm chàng thêm phiền muộn. Rồi chàng nhận được tin báo hoàng phi mới sinh hạ một quý tử, nhưng tâm trí chàng chỉ nghĩ đến sự phiền não đứa bé sẽ gặp phải trong cuộc đời. Khi bà giúp việc mang cơm vào, chàng cho bà lui ra mà không đụng đến thức ăn, và khi May lang thang đi vào phòng nhìn chàng với đôi mắt có vẻ chăm chú, chàng nói với nó rằng chàng không có tâm trạng nào để tiêu khiển. Màn đêm buông xuống, nhưng chàng họa sĩ vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Bà giúp việc bước vào phòng nhìn, nhưng rồi lại bỏ đi ra. May kêu meo meo một cách lo lắng, nhưng chàng họa sĩ không nghe thấy tiếng kêu của nó.

Trong lúc này chàng họa sĩ tưởng tượng cảnh hoàng tử Siddhartha bí mật cho gọi người đánh xe và con bạch mã Kanthaka đến. Chàng chăm chú đứng nhìn người vợ đang ngủ say và đứa con nhỏ nàng ôm trong tay một hồi lâu. Giờ thì chàng đang đứng trong bóng tối bên ngoài khu vườn; chàng đang lặng lẽ cưỡi ngựa băng qua thành phố đang chìm trong giấc ngủ; rồi chàng phi nước đại dọc theo những con đường dài phản chiếu ánh sáng mờ nhạt trong đêm tối; và giờ đây chàng đang ở trong rừng và đã đến tận cùng vương quốc của vua cha. Siddhartha xuống tóc và cởi bỏ áo bào. Chàng treo gươm lên yên ngựa. Hãy để Channa mang chúng quay về cung điện. Chúng không thể giúp chàng giải thoát thế giới khỏi trầm luân đau khổ.

Chàng họa sĩ đã trải nghiệm nỗi đau của hoàng tử trong giờ phút từ bỏ tất cả thế giới xa hoa và đẹp đẽ của tuổi thanh xuân một cách mãnh liệt đến nỗi sáng hôm sau khi thức dậy, chàng cảm thấy rất, rất mệt mỏi. Nhưng khi chàng nghe tiếng bà giúp việc lau chùi, đánh bóng, quét nhà, và cọ rửa, thì chàng cũng đứng dậy và mặc bộ quần áo đẹp nhất mà chàng có và ngồi bên cạnh May, trước bức ảnh Phật để cầu nguyện.

Kế đó chàng bước vào căn phòng trông ra những bụi tú cầu với những con chim sẻ và ngồi xuống chiếu. Chàng lại tưởng tượng mình là Siddhartha. Nhưng giờ thì chàng tưởng tượng trong nhiều năm ròng ngài đã

đi lang thang khắp nơi, xin bố thí thức ăn và tìm kiếm sự thông thái. Cuối cùng ngài ngồi trong rừng dưới một cây bồ đề và ma quỷ xuất hiện. Chúng tìm cách cám dỗ ngài bằng những hình ảnh kinh sợ và những hình ảnh quyến rũ để ngài bỏ cuộc. Nhưng trước khi rạng sáng, ngài đã đạt được tuệ giác và thấu hiểu tại sao con người đau khổ và bằng cách nào qua nhiều kiếp họ có thể giải thoát bản thân khỏi khổ đau. Và ngài trở thành đấng Giác Ngộ, tức Đức Phật.

Lúc này chàng họa sĩ cảm thấy vô cùng tĩnh tại, và một tình thương vô bờ bến cho hết thảy vạn vật trên thế gian, cho dù đó là những hạt cát nhỏ nhất trên những bãi biển xa xôi nhất. Cảm giác yêu thương mà chàng dành cho vợ và con trai nhỏ của mình, giờ đây chàng dành cho tất cả vạn vật sự sống, và thậm chí cho cây cỏ và rong rêu, đất đá và sóng biển. Những vật vô tri này, chàng tin rằng, một ngày nào đó sẽ hóa kiếp thành người và sẽ trải qua đau khổ và hạnh phúc như con người.

Khi bà giúp việc và May mang đồ ăn cho chàng, chàng họa sĩ nghĩ đến những đệ tử đầu tiên của Đức Phật đã tìm đến ngài, và ngài đã giảng giải cho họ về con đường Đạo mà họ nên theo. Chàng có cảm giác như chính mình đã già đi cùng Đức Phật qua bao năm tháng đi thuyết giảng và đem lại hạnh phúc cho người dân trên khắp nước. Khi ngài thọ tám mươi tuổi, ngài biết mình sắp ra đi, và ngài nhìn thấy bầu trời mở ra và tất cả các vị thần Ấn Độ giáo trên trời, và các vị thần rừng, núi, cùng với các đệ tử của mình, và muôn loài thú vật trên trái đất, đến để tiễn biệt ngài.

“Nhưng con mèo đâu không thấy?” họa sĩ thầm nghĩ, bởi vì ngay cả khi đang tưởng tượng cảnh này chàng vẫn nhớ rằng trong tất cả những bức tranh vẽ cảnh Đức Phật tạ thế mà chàng đã từng thấy, không bức nào có hình con mèo đứng cùng những con vật khác.

“À, con mèo không chịu tỏ lòng tôn kính với Đức Phật,” chàng nhớ ra, “và chính vì hành vi cố chấp này mà cánh cửa Niết bàn đã đóng lại đối với loài mèo.”

Khi nghĩ về May nhỏ bé, chàng họa sĩ có một cảm giác buồn bã trước khi chàng lần nữa rơi vào trạng thái đắm chìm trong thế giới bình yên của Đức Phật. Nhưng tội nghiệp cho chàng trai, chàng đã mệt rã người. Trong ba ngày liền chàng đã cố gắng tái hiện cuộc đời phi thường của Đức Phật trong tâm trí. Nhưng giờ đây ít nhất thì chàng cũng hiểu được rằng Đức Phật mà chàng vẽ cần phải có khuôn mặt của một người đã được nuôi dạy trong yêu thương và mọi lời nói của ngài đều nhất nhất được tuân theo (mà chàng biết được trong ngày đầu); đó là khuôn mặt của một người đã chịu nhiều đau khổ và đã hy sinh cuộc đời mình (mà chàng biết được trong ngày thứ hai); và là khuôn mặt của một người đã tìm thấy sự bình an và đem nó đến cho những người khác (mà chàng biết được trong ngày cuối cùng).

Cuối cùng, sau khi đã biết được Đức Phật cần phải có diện mạo ra sao, chàng họa sĩ lăn ra ngủ như chết suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, trong khi bà giúp việc không dám thở mạnh khi làm việc và cô mèo nhỏ thì rón rén đi lại trên đầu móng chân. Hết hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chàng họa sĩ thức dậy, và vội vã cho gọi mang đến cọ vẽ, mực, nước sôi, và một cuộn vải lụa lớn, ở một đầu tranh chàng vẽ hình Đức Phật vĩ đại nằm trên một chiếc tràng kỷ, khuôn mặt ngài tràn ngập sự bình yên. Chàng họa sĩ vẽ như thể chàng nhìn thấy toàn bộ quang cảnh trước mắt mình. Chàng đã mất ba ngày để biết Đức Phật có diện mạo ra sao, nhưng chàng mất không đầy ba tiếng đồng hồ để vẽ chân dung ngài, từng chi tiết một bao gồm cả những nếp gấp trên áo, trong khi bà giúp việc và May đứng nhìn với tất cả lòng kính trọng và thán phục.

Bài hát thứ ba của bà giúp việc

Chối ơi! hãy yên lặng làm việc, như con nhện giăng tơ.
Nồi ơi! Hãy sôi nhè nhẹ, vì bà lão già nua tội nghiệp này.
Chim ơi, hãy hót khe khẽ! Gió ơi, hãy thổi chậm! Đường phố ơi,
Hãy ngưng náo động và biết xấu hổ khi đến gần cậu chủ!
Tâm trí cậu đang tràn ngập sự thánh thiện, ao ước thần tiên,
Trong khi lão đun những hạt dẻ cho cậu trên bếp lửa nhỏ của mình.

Trong những ngày sau đó chàng họa sĩ vẽ những vị thần khác nhau trên trái đất và các vị thần trên trời và những đệ tử đến tiễn biệt Đức Phật. Có lúc chàng vẽ thật dễ dàng, có lúc thật khó khăn; có lúc chàng họa sĩ hài lòng với những gì chàng đã vẽ, có lúc chàng khinh ghét nó. Lẽ ra chàng đã gầy đi rất nhiều nếu như bà lão giúp việc không đổ dành chàng vào những lúc sáng sớm và chiều tối, khi thì một chén canh, khi thì một chiếc bánh xếp nóng. May đi lại trong nhà rất khế, bộ ria mép của nó rung rung vì hân hoan. Những ngày này cô mèo cũng được ăn uống đầy đủ. Bộ lông của nó sáng mượt như lụa. Hai hàng ria nhỏ của nó phản chiếu lóng lánh. Bất cứ khi nào bà giúp việc quay lưng đi là nó lao nhanh vào phòng để xem chàng họa sĩ cùng với cây cọ vẽ và bức tranh đầy bí ẩn.

“Nó làm tôi lo lắng, thưa cậu chủ,” bà lão giúp việc nói, khi bà thấy cô mèo ngồi yên vị ngay sau ống tay áo chàng họa sĩ lần thứ hai mươi trong ngày. “Nó không giống một con mèo chút nào. Nó không nghịch phá mấy cây cọ vẽ, điều đó thì tôi có thể hiểu. Vào ban đêm tôi nhớ lại tất cả những gì cậu nói khi tôi mang nó về nhà trong chiếc giỏ. Nếu đúng nó là một con mèo độc ác và làm hỏng bức tranh của cậu, thì tôi thật không còn mặt mũi nào nhìn cậu.”

Chàng họa sĩ lắc đầu. Một ý tưởng mới vừa xuất hiện và đầu óc chàng quá bận tâm suy nghĩ nên không thể nói chuyện được.

“May sẽ không gây ra rắc rối gì,” chàng lầm bầm trong miệng trước khi chàng quên khuấy tất cả mọi chuyện, bà lão, con mèo và ngay cả bàn tay đang cầm cọ của chính mình.

“Tôi thật sự hy vọng là như vậy,” bà giúp việc lo lắng nói. Bà ôm May lên, giờ đây cô mèo đã được mang một yếm hoa quanh cổ bằng một sợi dây lụa đỏ và trông như một con mèo quý phái. Phải mất ít nhất nửa tiếng May mới có thể thoát ra khỏi nhà bếp. Nó thấy cậu chủ của mình vẫn đang còn trầm ngâm suy tư, và đến ngồi sau lưng chàng họa sĩ như mọi điểm sáng dưới hình bóng của chàng. Sau khi đã vẽ xong các vị thần và con người, chàng họa sĩ sắp sửa bắt đầu vẽ những con vật đã đến chào tạm biệt Đức

Phật trước khi ngài nhập Niết bàn. Chàng đang suy nghĩ xem con vật nào phải được vẽ trước - có lẽ con voi trắng, vì nó là biểu tượng của con vật vĩ đại nhất trong những loài thú, và là một biểu tượng của Đức Phật; có lẽ là con ngựa đã phục vụ ngài hay con sư tử, bởi vì những tín đồ đi theo ngài đôi khi gọi Đức Phật là sư tử giữa nhân loại. Lúc này chàng họa sĩ nghĩ đến việc Đức Phật yêu thương những con vật nhỏ bé, khiêm nhường như thế nào và chàng nhớ đến một câu chuyện.

Có một lần Đức Phật đang ngồi thiền định dưới một gốc cây, trên đầu là tán lá cây che bớt ánh mặt trời chói chang. Trong khi Người ngồi như vậy hàng mấy giờ liền, bóng râm của cây dần dần dịch chuyển ra xa và ánh nắng đỏ lửa chiếu thẳng xuống chiếc đầu trần của ngài. Vì đang tập trung suy nghĩ về những vấn đề quan trọng nên Đức Phật chẳng để ý, nhưng những con sên nhỏ bé nhìn thấy và chúng lo lắng cho sức khỏe của ngài. Chúng bò ra khỏi bóng râm mát mẻ của mình, và tập hợp lại thành một vòng tròn trên đầu ngài, dùng thân xác chúng để che chở cho ngài cho đến khi mặt trời khuất hẳn.

Chàng họa sĩ nghĩ, “Loài sên là loài vật đầu tiên hy sinh thân mình cho Đức Phật. Vì vậy vẽ chúng vào trong tranh trước là hoàn toàn thích hợp.”

Thế là, sau khi suy nghĩ về những con sên mà chàng đã từng thấy trong những lần đi dạo, chiếc vỏ ốc chúng đeo trên lưng, và những chiếc tua nhỏ phía trước, thân mình của chúng trông như một chiếc lá ướt màu nhạt, và sống đời nhút nhát nhưng cần mẫn của chúng, chàng nhúng cây cọ vẽ vào nước suối, quẹt mực, và vẽ hình một con ốc sên.

May bước ra khỏi bóng chàng họa sĩ để nhìn hình con sên. Hàng rìa của nó dựng đứng lên, nó đưa một móng chân lên như thể để vuốt rìa, và đưa mắt nhìn chàng họa sĩ.

“Tôi chỉ đùa giỡn thôi, cậu chủ,” dường như nó muốn nói, “con sên đó trông cứ như thật.”

Rồi chàng họa lại ngồi xuống chiếu và nghiên ngẫm về loài voi. Chàng nghĩ đến kích thước và sức mạnh khổng lồ của loài voi và sự thông minh

của chúng. Bản thân chàng chưa từng thấy một con voi, nhưng chàng đã được thấy những bức tranh voi do những họa sĩ Trung Quốc vẽ cách đây rất lâu, và giờ đây chàng nghĩ đến một con voi trắng đường bệ, với đôi mắt nhỏ hiền từ và cặp tai dài với vành tai màu hồng. Chàng nhớ rằng voi là một linh vật, và là biểu tượng của hoàng gia ở Ấn Độ. Chàng nghĩ đến câu chuyện mẹ của Đức Phật đã nằm mơ thấy một con voi trước khi sinh ngài.

Kể đến chàng nghĩ đến những chuyện còn kỳ lạ hơn nữa. Bởi vì trước khi Đức Phật đầu thai xuống trái đất làm hoàng tử Siddhartha, những tín đồ của ngài tin rằng ngài đã đầu thai vào đủ mọi hình hài khác nhau, và luôn thực hành từ bi và giảng dạy cho mọi người xung quanh. Chàng họa sĩ nhớ đến câu chuyện Đức Phật đã từng được sinh ra dưới hình hài một con voi, sống trên một rặng núi nhìn xuống sa mạc. Một hồ nước điểm đầy hoa sen là nguồn nước uống của voi và những cành cây trĩu nặng trái nghiêng mình trước nó. Nhưng một ngày nọ từ bãi cỏ trên cao, con voi nhìn thấy một nhóm đông người đi dưới sa mạc. Họ bước đi chậm chạp. Thình thoảng một người lại té ngã và những người khác phải dừng lại để nâng anh ta đứng dậy. Tiếng than khóc và tuyệt vọng yếu ớt của họ vọng đến tai voi. Con voi vĩ đại động lòng trắc ẩn. Nó đi xuống vùng đất cát nóng như đốt của sa mạc để gặp họ.

Đối với nhóm người lữ hành, sự xuất hiện của con voi dường như chỉ làm họ thêm sợ hãi, nhưng con voi trấn an họ bằng giọng nói của người. Họ kể cho con voi nghe rằng họ là những người chạy nạn bị một nhà vua xua đuổi ra ngoài vùng đất hoang vu để chết dần chết mòn. Nhiều người trong đoàn đã gục ngã mà không bao giờ đứng dậy được nữa.

Con voi nhìn họ. Họ đã yếu sức. Không có thực phẩm và nước họ sẽ chẳng bao giờ có thể băng qua được dãy núi để đến được vùng đất màu mỡ, an toàn phía bên kia núi. Nó có thể dẫn họ đến chỗ hồ nước của nó, nhưng họ không có đủ sức để hái được đủ nhiều trái cây để ăn. Mà họ thì cần có thức ăn để hồi phục sức lực ngay lập tức.

“Hãy can đảm,” con voi nói với họ, “đi về phía đó các bạn sẽ tìm thấy một hồ nước trong vắt [hời ôi! chính là hồ nước bình yên, quý báu của nó] và xa hơn một chút là một vách núi, ở dưới chân núi các bạn sẽ tìm thấy xác của một con voi vừa rớt xuống gần đây. Hãy ăn thịt voi và các bạn sẽ có đủ sức để đến được vùng đất bên kia núi.”

Nói rồi con voi chào họ và băng qua cát nóng để quay lại chỗ cũ. Trước khi bàn chân mệt mỏi của đoàn người đưa họ đến chỗ hồ nước và vách núi, con voi đã ném mình xuống dưới vực. Nó rơi xuống, tỏa sáng như một vầng trăng lớn đang lặn giữa những đám mây, và cây cối trong rừng phủ lên thân mình nó đầy hoa.

Thế là chàng họa sĩ dành một khoảng thời gian dài để nghĩ về trí thông minh, phẩm giá và sự tốt bụng của loài voi. Rồi chàng nhúng cây cọ vẽ vào nước suối, quẹt mực, và vẽ hình một con voi.

Ngay khi hình voi được vẽ xong, May liền bước ra khỏi bóng chàng họa sĩ và tròn xoe mắt nhìn con vật to lớn trên tấm lụa trắng. Rồi nó đưa mắt nhìn chàng họa sĩ. “Tôi không biết con vật này là con gì, thưa cậu chủ,” dường như nó muốn nói, “nhưng chắc chắn là toàn thân tôi, từ đầu đến đuôi, tràn đầy sự kính trọng và sợ hãi.”

Rồi chàng họa sĩ lại ngồi xuống chiếu và suy nghĩ. Lần này chàng nghĩ về loài ngựa. Mặc dù chàng chưa bao giờ cưỡi chúng, nhưng chàng vẫn thường ngắm nhìn và khâm phục dáng điệu quý phái, đôi mắt sáng và chiếc cổ cong của chúng. Chàng thích cách chúng vẩy đuôi như vẩy cờ, và ngay cả trong chiến trận chúng cũng vẫn thận trọng trong từng bước chân để không làm bị thương bất kỳ ai đã ngã xuống. Chàng nghĩ về con Kanthaka của Siddhartha, lông trắng như tuyết, với bộ yên cương nạm đầy châu báu. Chàng nghĩ đến việc nó ngoan ngoãn và hoang dã như thế nào, đến việc nó đã đưa tài cùng những con ngựa của các hoàng tử khác và đã đánh bại chúng, giúp hoàng tử chiếm được trái tim của công chúa Yosadhara. Rồi chàng tưởng tượng con Kanthaka trở về cung điện một mình không có chủ

nhân, chiếc đầu đẹp đẽ của nó rũ xuống, vói bộ quần áo của Siddhartha buộc vào yên cương.

Kể đến chàng họa sĩ nhớ đến câu chuyện Đức Phật được sinh ra dưới hình hài một con ngựa, tuy nhỏ nhưng tràn đầy chí khí dũng mãnh nên đã được nhà vua xứ Benares chọn làm con chiến mã của ngài. Bảy nhà vua các nước khác dẫn binh mã đến chinh phục xứ Benares và dựng doanh trại vây quanh thành. Hiệp sĩ đứng đầu đội quân bị bao vây được nhà vua trao cho con chiến mã của mình để cưỡi và tấn công bất ngờ vào doanh trại quân địch, bắt sống từng vị vua một làm tù binh, sáu người tất cả. Trong khi bắt sống nhà vua thứ sáu thì con ngựa bị thương nặng. Vì thế chàng hiệp sĩ cưỡi bộ áo giáp của nó để khoác cho một con ngựa khác, chuẩn bị cho trận chiến thứ bảy cuối cùng.

Nhưng con chiến mã lên tiếng nói.

“Sứ mệnh của chúng ta sẽ thất bại,” nó nói lớn. “Một con ngựa khác không thể gây bất ngờ cho doanh trại địch. Hãy giúp tôi đứng dậy, thưa ngài; khoác lên mình tôi bộ giáp một lần nữa. Tôi sẽ hoàn tất những gì tôi đã bắt đầu!”

Mặc dù đã yếu sức vì bị mất nhiều máu, nhưng nó vẫn lao thẳng vào doanh trại thứ bảy như một con chim ưng lao xuống vồ mồi, và nhà vua thứ bảy cũng bị bắt sống. Nhà vua xứ Benares vui mừng ra đón họ tại cổng cung điện.

“Nhà vua vĩ đại,” con ngựa chiến nói “hãy tha mạng cho những tù binh của ngài!” Và rồi, trước khi những người hầu có thể tháo bỏ bộ áo giáp cho nó, con ngựa gục ngã chết ngay giây phút chiến thắng, dưới chân chủ nhân của mình.

Thế là sau khi suy nghĩ kỹ về lòng can đảm và sự cao quý của loài ngựa, chàng họa sĩ nhúng cây cọ vẽ vào nước suối, quẹt mực, và vẽ hình một con ngựa. Con ngựa vừa được vẽ xong thì May bước ra khỏi bóng chàng họa sĩ và xem xét bức hình một hồi lâu. Cô mèo đưa mắt nhìn chàng họa sĩ đầy ngưỡng mộ.

“Nếu một con ruồi đến đậu trên hình con ngựa của cậu chủ,” dường như nó muốn nói, ‘chắc hẳn con ngựa sẽ dậm vó chân và hất đầu.’ ”

Bài hát thứ tư của bà giúp việc

Cậu chủ của tôi ngồi im.
Suốt ngày cậu suy tưởng
Cậu hầu như chẳng nhìn thấy
Tách trà cậu đưa lên môi.

Cậu cũng chẳng hề biết
Tôi là ai.
Cậu cũng chẳng nhìn thấy
Con mèo đi ngang qua.

Tuy vậy tình thương của chúng tôi
Cũng góp phần,
Vào tất cả những gì
Do hai bàn tay cậu vẽ.

Thức ăn khiêm nhường
Do tôi nấu
Góp một phần nhỏ giúp cậu
Đi đến thành công.

Ngày hôm sau chàng họa sĩ lần nữa lại tự giam mình trong căn phòng nhìn ra những bụi tú cầu. Ngồi trên chiếc chiếu quen thuộc, chàng quyết định trên đầu con bạch mã phải là một con thiên nga đang bay. Chàng suy nghĩ về vẻ đẹp của loài thiên nga và tiếng vỗ cánh mạnh mẽ của chúng, và việc chúng bay theo con thiên nga đầu đàn trong những chuyến bay hùng dũng trên những cung đường trên không. Chàng ngẫm nghĩ về việc chúng trôi nổi trên mặt nước nhẹ nhàng như những bông sen trắng.

Rồi chàng nhớ đến một câu chuyện về tuổi thơ của hoàng tử Siddhartha, người sẽ trở thành Đức Phật trong tương lai. Hoàng tử đang đi dạo trong khu vườn cảnh mà vua cha ban cho, đưa mắt ngắm nhìn đàn thiên nga bay qua trên đầu hướng về dãy Hy Mã Lạp Sơn. Bất thành tình cậu nghe tiếng rít của một mũi tên, và một vật gì đó nhanh hơn và tàn bạo hơn bất cứ một loài chim nào lướt ngang qua không trung, làm một con thiên nga bị thương rơi xuống dưới chân cậu bé. Hoàng tử trẻ tuổi chạy đến chỗ con chim lớn và rút mũi tên ra. Cậu giở đầu mũi tên nhọn vào cánh tay mình để biết nỗi đau trúng tên mà con chim đang chịu đựng. Trong khi cậu bé đang băng bó vết thương cho con chim, một vài người hầu của một người anh họ của hoàng tử chạy đến tuyên bố nó là chiến lợi phẩm của họ.

Siddhartha lặng lẽ trả lời: “Anh họ ta chỉ tìm cách hủy diệt con thiên nga trong khi ta tìm cách cứu sống nó vì vậy nó thuộc về ta. Hãy để quần thần của nhà vua quyết định cho hai chúng ta.”

Thế là cuộc tranh chấp giữa hai hoàng tử được đưa ra trước quần thần phân xử và con thiên nga được trao cho cậu bé sau này trở thành Đức Phật.

Sau khi đã nghiên ngẫm về vẻ đẹp huyền ảo của loài thiên nga, chàng họa sĩ nhúng cây cọ vẽ vào nước suối, quẹt mực, và vẽ hình một con thiên nga.

Ngay khi con thiên nga vừa được vẽ xong thì May bước ra khỏi bóng chàng họa sĩ và xem bức hình một hồi lâu. Rồi nó lịch sự quay sang nhìn chàng họa sĩ.

“Cứ như thể đang có gió thổi dưới đôi cánh của nó vậy, thưa cậu chủ,” dường như nó muốn nói. Nhưng trong phong cách của cô mèo có một sự ám chỉ nào đó, như nó muốn nói rằng chàng họa sĩ nên dùng thời gian của mình cho một việc nào khác hơn là vẽ hình con chim.

Chàng họa sĩ dùng cơm, và đi thần thơ trong vài phút trong khu vườn nhỏ để sự mơn trớn của mặt trời và âm thanh của gió giúp đầu óc chàng lấy lại sự tỉnh táo. Chàng quay trở lại phòng làm việc của mình cạnh những bụi tú cầu và một lần nữa lại chuẩn bị suy ngẫm thì bà giúp việc xuất hiện ở cửa phòng và cúi người chào thật thấp.

"Cậu sẽ làm mình kiệt sức đến phát ốm mất," bà lão nói một cách lễ phép nhưng cương quyết. "Cậu chủ đã là Phật và thánh thần và ngựa, và là con voi phi thường ấy, và là ốc sên và thiên nga và - có trời mới biết là gì nữa, tất cả chỉ trong vòng vài ngày! Không có thân xác phàm tục nào có thể chịu đựng được việc này! Vầng trán của cậu nhiều nếp nhăn như một ông già và cặp mắt cậu cháy rục như hai chiếc đèn cầy. Người hàng xóm của chúng ta vừa mới sai người hầu mời cậu sang uống trà và lão đã trả lời là cậu sẽ có mặt bên ấy ngay lập tức."

Sau khi bày tỏ ý kiến của mình một cách dứt khoát, bà lão đứng nghiêng người về trước, hai tay đặt trên hai đầu gối, thể hiện sự nhún nhường.

“Ta có thể tranh cãi với bức tượng Địa Tạng Bồ tát bằng đá bên đường, nhưng tranh cãi với một phụ nữ chỉ là phí công sức!” chàng họa sĩ kêu lên. Rồi chàng lấy một ít bạc từ chiếc túi của vị sư và đưa cho bà lão.

“Bác hãy đi chợ mua cho mình một ít vải đẹp để may áo mới,” chàng nói. “Đã lâu lắm rồi bác chưa có một bộ quần áo nào thơm tất.”

“Nghìn lần cảm ơn cậu chủ” bà giúp việc hài lòng kêu lớn, “và lão sẽ nhất May lại trong giỏ trong khi chúng ta ra khỏi nhà. Cứ nhìn nó đứng ngấm bức tranh thì cậu sẽ tưởng rằng bức tranh là đường, được vẽ trên kem. Lão e là ta không thể để nó ở nhà một mình với bức tranh.”

Thế nên đến tận sáng hôm sau chàng họa sĩ mới được tĩnh tâm suy tưởng về bản chất của loài trâu. Chàng nghĩ chúng thật xấu xí làm sao, với cặp

sừng cong lên như hai mặt trăng nặng nề đè trên trán. Chàng nghĩ chúng thật khỏe mạnh làm sao, ấy vậy mà chúng vẫn sẵn sàng làm việc quần quật suốt ngày cho chủ nhân. Chàng nghĩ đến việc chúng trở nên dũng mãnh như thế nào khi bị hổ báo tấn công, ấy vậy mà lũ trẻ trong làng cười trên lưng chúng an toàn như chim đậu trên cành cây.

Chính Đức Phật không hề xem thường loài trâu, vì nếu không ngài đã không chọn hình hài của chúng để đầu thai vào. Có nhiều câu chuyện về tiền kiếp của Phật trong hình hài của một con trâu, nhưng câu chuyện mà chàng họa sĩ nhớ rõ nhất kể về một con trâu thánh thiện thuộc về một người đàn ông nghèo. Một ngày nọ con trâu nói với chủ nhân của nó bằng tiếng người, “Thưa ông chủ, tôi thấy ông túng quá. Vì thế tôi sẵn sàng làm một việc để giúp ông. Ông hãy đi gặp dân làng và nói với họ rằng ông có một con vật có thể kéo được một trăm chiếc xe chất đầy đá. Họ sẽ cá cược rằng điều đó là không thể và ông sẽ thắng được một số tiền lớn.”

Nhưng khi dân làng cột các chiếc xe ngựa lại với nhau và chất đầy đá nặng lên, và rồi con trâu được ách vào chiếc xe ngựa đầu tiên, người chủ trâu cư xử như một kẻ đánh trâu thông thường, tay khua cây gậy và miệng thì chửi bới con vật để chứng tỏ uy quyền của mình trước mặt những người khác. Con trâu không nhúc nhích, dù chỉ là một phân.

Người chủ trâu vốn đã nghèo lại càng nghèo hơn nữa sau chuyện này. Nhưng một tối nọ con trâu lần nữa lại lên tiếng nói với ông ta:

“Tại sao ông đe dọa tôi? Tại sao ông chửi rủa tôi? Hãy đi gặp những người dân làng và đánh cuộc với họ lần nữa, lần này hãy đánh cuộc gấp đôi số tiền lần trước. Nhưng hãy đối xử tốt với tôi.”

Tương tự như lần trước, những chiếc xe chất đầy đá được nối lại với nhau, và lần nữa những người dân làng tụ họp lại và che miệng cười khúc khích. Nhưng lần này người đàn ông nghèo tắm rửa cho con trâu, và cho nó ăn lúa non ngon và đặt một vòng hoa quanh cổ nó. Khi con vật được thắng vào cỗ xe đầu tiên trong số một trăm chiếc, người chủ vuốt ve con trâu và thúc giục nó:

“Đi nào, con vật xinh đẹp của ta! Kéo đi! Kéo đi! Báu vật của ta!” và con trâu lấy hết sức để kéo, nó gồng tất cả các thớ thịt lên cho đến khi toàn thân nó như muốn nổ tung, và rồi chậm chạp nhưng chắc chắn, một trăm chiếc xe di chuyển về phía trước.

Giờ đây khi chàng họa sĩ đã hiểu được sự trung thực và lòng tự trọng của loài trâu, chàng nhúng cây cọ vẽ vào nước suối, quẹt mực và vẽ hình một con trâu.

Ngay khi con trâu được vẽ xong thì May bước ra khỏi bóng chàng họa sĩ và xem xét bức hình với dáng vẻ của một người đang cố gắng che giấu một sự không hài lòng nào đó. Rồi nó quay sang nhìn chàng họa sĩ.

“Đúng là một con trâu thật sự!” dường như nó muốn nói, nhưng có một cái gì đó ở con trâu khiến cô mèo buồn cười, có thể là vì con trâu quá ít lông. Đột nhiên, cô ả bật cười rúc rích. Nhưng nó nhanh chóng đưa một móng chân trắng nhỏ xíu của mình lên miệng và giả vờ hắt xì liền tù tì một mạch.

Có thể là chàng họa sĩ hơi bực mình với thái độ của May, vì có thể chính chàng cũng không nhận ra rằng chàng đã quen chờ đợi nhận được lời khen của cô mèo rồi. Nhưng cũng rất có thể hoàn toàn chỉ là sự tình cờ khiến loài vật chàng suy nghĩ kế tiếp lại là loài chó.

Chàng nghĩ về chúng khi còn là những con cún con, trông như những quả cầu lông chơi đùa trong tuyết, với đôi mắt đen tròn và chiếc mõm đen ươn ướt. Chàng nghĩ về chúng khi đã trưởng thành, sốt sắng chạy theo sau chủ nhân của mình hay ngồi canh giữ những nông trại vắng vẻ. Chàng gần như có thể cảm nhận được chiếc lưỡi ấm áp của chúng liếm vào tay, hay nhìn thấy chúng chạy nhảy và lăn tròn trên đất để được chàng chú ý.

“Thật là loài vật trung thành!” chàng nghĩ, và cố gắng nhớ đến một câu chuyện nào đó về Đức Phật tái sinh trong hình hài của một con chó. Nhưng hoặc là chàng đã quên mất, hoặc chẳng có câu chuyện nào như thế. Vì vậy chàng gọi bà giúp việc.

Bà lão bước vào phòng và cúi thật thấp chào cậu chủ của mình.

“Bác ngồi xuống đi,” chàng họa nói, “và kể cho cháu nghe bất kỳ câu chuyện nào về loài chó mà bác tình cờ nhớ được.”

Bà lão lôi ra một chiếc khăn tay và lau trán. Rồi bà ngồi xuống và cúi chào.

“Trong làng của tôi, thưa cậu chủ,” bà bắt đầu, “mọi người kể rằng ngày xưa đã từng có một ngôi chùa đổ nát. Sau khi những vị sư rời bỏ ngôi chùa, ma quỷ và yêu tinh đã đến trú ngụ ở đó. Hàng năm chúng đòi dân làng phải cống nạp cho chúng một cô gái đồng trinh, nếu không chúng dọa sẽ hủy diệt tất cả mọi người. Vì vậy hàng năm cứ đến một ngày nhất định, một cô gái lại được bỏ vào trong một chiếc giỏ và mang đến để trong sân chùa. Sau đó người ta chẳng bao giờ gặp lại cô gái. Năm đó lá thắm rơi trúng vào một cô gái nhỏ bé có chú chó tên Shippeitaro. Tất cả dân làng đều mặc đồ trắng để tang cho cô bé. Suốt ngày hôm đó tiếng khóc than vang trên khắp nẻo đường làng. Nhưng trước khi trời tối có một người lạ bước vào làng. Anh ta là một người lính đi lang thang. Đêm hôm trước anh ta đã ngủ trong ngôi chùa bỏ hoang.”

"Ngôi chùa của bọn ma quái?" chàng họa sĩ hỏi.

“Phải, thưa cậu chủ,” bà lão nói, “chính ngôi chùa ấy. Nửa đêm người lính bị đánh thức bởi một tiếng ồn lớn. Một giọng phía trên đầu anh ta đang nói, ‘Nhưng đừng bao giờ để Shippeitaro biết – Shippeitaro sẽ làm hỏng hết mọi chuyện.’”

Khi người lính kể xong câu chuyện của mình, Shippeitaro trở nên hết sức kích động. Nó chạy đến chỗ chiếc giỏ, vẫy đuôi, và đưa móng cào cào vào thành giỏ.

“Hãy đưa nó đến chỗ ngôi chùa thay thế cho cô chủ của nó,” người lính nói, và Shippeitaro tự nguyện nhảy vào trong chiếc giỏ và được khiêng đến sân chùa trong bóng đêm đang dần buông xuống. Đến nơi, những người khiêng giỏ vội vã rời khỏi ngôi chùa, nhưng người lính thì kiểm chỗ ẩn nấp và chờ đợi.

“Vào nửa đêm anh ta nghe thấy những tiếng tru khùng khiếp nhất tiến đến gần, chúng đủ để làm cho một người yếu bóng vía phải sợ chết khiếp. Anh ta hé mắt nhìn ra và thấy một lũ ma quái đang cạy nắp giỏ. Nhưng thay vì là một cô gái đang khiếp sợ thì Shippeitaro nhảy ra và nhảy chồm vào cổ họng tên thủ lĩnh. Những con yêu tinh còn lại bỏ chạy và kể từ đó dân làng chẳng bao giờ còn thấy hay nghe nói đến chúng nữa.

“Như vậy con chó Shippeitaro anh hùng đã cứu mạng không những cho cô chủ của nó mà cho cả dân làng.”

Chàng họa sĩ cảm ơn bà lão đã kể chuyện. May đã tìm được một chiếc chiếu để ngồi và này giờ chăm chú lắng nghe câu chuyện như cậu chủ của nó.

“Những con yêu tinh này hình dạng con gì?” chàng họa sĩ hỏi.

“Con mèo,” bà giúp việc trả lời, gần như là thì thào, hy vọng May không nghe thấy. Nhưng May đã nghe bà nói. Nó đưa mắt buồn bã nhìn bà lão, rồi đứng dậy và bước ra khỏi phòng.

Sau khi suy nghĩ về sự trung thành của loài chó, chàng họa sĩ nhúng cây cọ vẽ vào nước sôi, quẹt mực, và vẽ hình một con chó.

Suốt cả ngày hôm đó May không quay lại phòng để nhìn bức tranh.

Bài hát thứ năm của bà giúp việc

Mèo yêu quý, mày trắng như sữa
Miệng mày xinh như bông hoa, lông mày đẹp như lụa
Dòng dõi mèo danh giá nào
Đã sinh ra một tạo vật như vậy?

Mèo yêu quý, mày xinh đẹp và dịu dàng,
Mày thánh thiện không ăn thịt
Dòng dõi mèo danh giá nào
Đã sinh ra một tạo vật như vậy?

Mèo yêu quý, đừng bao giờ mày nghĩ
Rằng ta cho mày cùng một giống với lũ mèo đen
Bởi những con vật yêu quái ấy
Chẳng thể xuất thân từ cùng một dòng dõi!
Một dòng dõi cao quý như người!

Ngày hôm sau khi chàng họa sĩ đặt người ngồi xuống chiếu, May không ngồi gần đó mà kín đáo ngồi một chỗ cách đó khá xa. Trong một vài phút chàng không thể không nghĩ đến con mèo tam thể của mình, nhưng chàng nhanh chóng chuyển suy nghĩ của mình sang loài hươu. Chàng phải vẽ những con vật đã đến chào tạm biệt Đức Phật, và chàng biết con mèo không nằm trong số đó.

Ban đầu suy nghĩ của chàng đầy sự buồn bã nhưng dần dần chàng tưởng tượng ra quanh mình là một khu rừng, với những tia nắng lốm đốm trên cao chiếu xuyên qua những bóng râm, và chàng chính là một con hươu nhẹ nhàng đặt chiếc móng nhỏ như gỗ mun trên đám lá, không gây ra một tiếng động, đầu ngẩng cao cảnh giác với cặp sừng tuyệt đẹp. Một bầy hươu đi theo sau chàng, chúng là hươu đực, hươu cái và hươu con. Chàng dẫn chúng đến chỗ bãi cỏ bí mật. Tại mỗi vũng nước uống, lỗ mũi chàng mở rộng quay về hướng gió để đánh hơi sự nguy hiểm trước khi để cả đàn đến uống nước. Nếu có một kẻ thù xuất hiện, chàng đứng ra bảo vệ cho cả đàn tháo lui. Hai bên sườn chàng có những điểm đốm như những hạt châu, cặp sừng của chàng đẹp hơn cả cặp giá đỡ nến trong chùa, cặp mắt của chàng hiền lành và hoang dã.

Trong khi chàng họa sĩ đi lang thang trong khu rừng tưởng tượng của mình trong hình dạng của một con hươu, dần dà chàng cảm thấy tinh thần của Đức Phật đang lớn dần lên trong tâm, và chàng biết rằng mình là con hươu Banyan. Lúc này chàng có cảm giác chàng và đàn hươu của mình đã bị xua vào trong một bãi đất lớn cùng với một đàn hươu khác, đứng đầu là một con hươu đầu đàn đẹp gần như không thua kém gì chàng. Tim chàng đập như sấm nổ trong lồng ngực và một màn đen che khuất cặp mắt chàng, nhưng đây là nỗi sợ chàng dành cho đàn hươu của mình. Tiếp đó một vị vua xuất hiện bên trong bãi đất để xem hươu.

“Hai con hươu đầu đàn thật tuyệt đẹp, đừng giết chúng,” ông ta nói với người thợ săn hoàng cung. “Ta ban cho chúng mạng sống. Còn đối với

những con khác, nhiệm vụ của người là mỗi ngày mang một con đến cung điện để làm thịt cho các buổi yến tiệc của ta.”

Kể đó con hươu Banyan, lòng tràn đầy tinh thần của Đức Phật, nói với tất cả các con hươu khác:

“Nếu chúng ta bị săn bắn, mỗi ngày không chỉ có một, mà sẽ có nhiều con hươu bị thương tích. Chúng ta hãy đương đầu với việc này một cách dũng cảm và hãy rút thăm. Con hươu nào rút phải thăm sẽ tự nguyện chết vì lợi ích của cả đàn.”

Một ngày kia lá thăm rơi vào một con hươu cái đang có mang. Con hươu này lại đi cùng đàn hươu kia. Nó đến gặp con hươu đầu đàn của mình và năn nỉ xin được sống cho đến khi sinh ra hươu con.

“Chúng ta không thể có ngoại lệ được,” con hươu đầu đàn buồn bã nói.

Nhưng trong cơn tuyệt vọng, con hươu cái đến gặp hươu Banyan, và chàng bảo nó an tâm quay trở về đàn.

“Ta sẽ đi thay chỗ cho người,” chàng nói.

Trong tâm trí của mình, chàng họa sĩ đang sống trong hình hài của con hươu Banyan và chàng cảm thấy sự dụi dằng mà chàng dành cho hươu cái và hươu con chưa ra đời lẫn át sự sợ hãi và giúp chàng vui vẻ bước đến chỗ người thợ săn. Nhưng khi ông ta thấy nó chính là con hươu đầu đàn, ông liền báo cho đức vua biết.

“Chẳng phải ta đã ban mạng sống cho người hay sao?” nhà vua ngạc nhiên hỏi.

Lúc này con hươu Banyan lấy giọng người để trả lời.

“Thưa đức vua!” chàng nói, “một con hươu cái có mang rút trúng phải thăm. Nhưng tôi không thể yêu cầu một con hươu khác đi chết thế cho nó.”

Cảm động vì tấm lòng quảng đại của con hươu, nhà vua cho phép cả chàng lẫn con hươu cái được sống.

Tuy nhiên con hươu Banyan vẫn chưa hài lòng, nó tiếp tục xin cho đàn hươu của mình.

“Nhưng còn những con hươu kia thì sao, thưa đức vua?” chàng hỏi.

“Cả chúng nữa cũng sẽ không bị giết,” nhà vua nói.

“Bên ngoài những hàng rào này còn có những con hươu khác,” con hươu Banyan tiếp tục nói.

“Chúng cũng sẽ được yên,” nhà vua trả lời.

“Thưa đức vua,” con hươu tiếp tục, vì luôn phải sống trong nguy hiểm rình rập nên nó cũng thương cho cả các loài vật có chung số phận, “còn những sinh vật bốn chân khác sẽ phải làm gì đây?”

Và nhà vua quá xúc động trước sự sẵn sàng hy sinh của con hươu nên chính trong ông cũng dâng trào một cảm xúc dịu dàng cho hết thảy vạn vật.

“Chúng không có lý do gì để phải sợ hãi,” nhà vua trả lời.

Tiếp đó con hươu xin dùm cho các loài chim và thậm chí cho cả loài cá, và khi nhà vua hứa sẽ bảo đảm sự an toàn cho chúng, nó chúc phúc cho nhà vua bằng một lời chúc tốt đẹp nhất. Trái tim chàng họa sĩ dường như bị giằng xé giữa sự nhút nhát và lòng cam đảm thầm lặng trong khi chàng tưởng tượng mình là hươu Banyan, rồi chàng nhanh chóng cầm lấy cọ vẽ, nhúng cây cọ vào nước suối, quét mực, và vẽ hình một con hươu.

Ngay khi con hươu vừa được vẽ xong thì May bước ra khỏi bóng chàng họa sĩ (cô mèo đã lảng lạng bước đến sau lưng chàng lúc nào mà chàng không hề hay biết) và nhìn bức tranh một lúc lâu.

“Meo meo,” nó buồn bã quay nhìn chàng họa sĩ và nói “Chẳng lẽ không có chỗ nào cho tôi đứng cùng những con vật kia sao, thưa cậu chủ”, nó dường như muốn hỏi.

Sau đó chàng họa sĩ vẽ thêm nhiều con vật khác. Mỗi một con vật đều đã từng được Đức Phật đầu thai vào, hoặc chúng đã từng phục vụ cho Đức Phật khi ngài còn là hoàng tử. Đó là con chim gõ kiến, con thỏ đã nhảy vào

chảo nướng của người ăn mày, con sư tử đã cứu sống những con chim ưng con, con ngỗng đã cho bà lão những chiếc lông vàng của nó, và con dê nhỏ khôn ngoan, mưu trí hơn loài sói, và nhiều con vật khác.

Chàng cũng vẽ một con khỉ, vì chàng nhớ đến câu chuyện Đức Phật đầu thai làm kiếp khỉ. Chuyện kể một người đàn ông đi lang thang trong rừng và bị rớt xuống một cái hố sâu. Lúc đó con khỉ nghe thấy tiếng rên rỉ, nó bèn lên tiếng trấn an ông ta. Nó leo xuống dưới hố và cột một tảng đá vào lưng, rồi thử xem nó có đủ sức leo lên khỏi hố với người đàn ông trên lưng hay không. Cuối cùng, nó cũng thành công, nhưng sau đó con khỉ kiệt sức đến mức nó cần phải ngủ để lấy lại sức, nếu không nó sẽ chết. Vì vậy con khỉ xin người đàn ông hãy ở cạnh canh chừng trong khi nó ngủ.

Nhưng trong khi người đàn ông ngồi canh cho con khỉ ngủ, những suy nghĩ độc ác phát sinh trong đầu ông ta.

“Nếu như có thịt để ăn, ta có thể dễ dàng lấy lại được sức lực để tìm đường về nhà,” hăn nghĩ.

Quên mất lòng biết ơn của mình đối với con khỉ, hăn nhặt lấy một hòn đá to và nện vào đầu nó. Nhưng cánh tay của nó còn quá yếu nên cú đánh không có đủ sức. Con khỉ giật mình thức dậy và nhìn thấy người đàn ông mà nó cứu mạng đã tìm cách giết nó. Nó vô cùng ngạc nhiên và buồn bã trước sự vô ơn này. Tuy vậy, nó vẫn lấy ân báo oán mà dẫn kẻ phản bội đến tận bìa rừng rồi mới chào tạm biệt.

Chàng họa sĩ cũng nhớ đến chuyện những con khỉ đã mang trái cây đến cho Đức Phật ăn khi người ngồi thiền trong rừng và cố gắng thuyết phục ngài ăn theo cách thức buồn cười của chúng.

Vậy là sau khi đã tham thiền về loài khỉ, chàng họa sĩ nhúng cây cọ vẽ vào nước suối, quẹt mực, và vẽ hình một con khỉ.

Và cũng như những lần trước, khi mỗi bức hình của một con vật được hoàn tất, May bước đến để nhìn chúng, và cứ sau mỗi bức hình mới được vẽ, nó dường như càng lúc càng buồn bã hơn và đưa chiếc chân trắng nhỏ

bé của nó kéo tay áo cậu chủ, ngược đầu lên nhìn chàng họa sĩ không rời mắt.

Bài hát thứ sáu của bà giúp việc

Nó quyết tâm nhịn đói
Nó quyết tâm không ăn,
Không một bữa ăn nào
Làm mèo con lay chuyển!

Suốt ngày ta theo dõi nó,
Suốt ngày ta dỗ dành nó,
“Đến đây nào, mèo cưng,”
Khi gặp mèo đi ngang.

Nhưng nó quyết tâm nhịn đói,
Nó quyết tâm không ăn,
Luôn luôn chỉ để ý,
Đến bức tranh mà thôi.

Suốt ngày ta buồn bã
Khi nghe tiếng nó than,
“Meo, meo,”
Khi đi ngang qua ta!

Một ngày nạn chàng họa sĩ ngồi trên chiếc chiếu của mình, tâm trí chàng phải đối phó với một vấn đề khó khăn hơn bất cứ vấn đề nào đã nảy sinh trước đó. Sự hiền lành của loài sên, sức mạnh và trí thông minh cao quý của loài voi, lòng can đảm của loài ngựa, vẻ đẹp của loài thiên nga, sức chịu đựng bền bỉ của loài trâu, sự tận tâm của loài chó, và sự quảng đại của loài hươu, tất cả đều giúp chàng dễ dàng hiểu được chúng đã phục vụ Đức Phật như thế nào hay thậm chí đã được Đức Phật tạm thời đầu thai vào hình hài của chúng ra sao. Đối với con gấu kiến, con thỏ, con ngỗng, con dê nhỏ, và con khỉ cũng vậy, tất cả chúng đều là những sinh vật vô hại; và thậm chí con sư tử cũng chỉ giết để thỏa mãn cơn đói, và không hề vui sướng với việc giết chóc.

Nhưng chàng họa sĩ biết rằng cả con hổ cũng đến tiền biệ Đức Phật, và cả nó cũng nhận được sự ban phúc của ngài. Làm thế nào có thể như vậy được nhỉ? Chàng nghĩ về sự hung dữ và tàn bạo của loài hổ; chàng tưởng tượng đến chúng nằm trong bóng râm trong rừng rậm, cặp mắt chúng như hai đốm lửa. Chúng là mối nguy hiểm cho các loài vật khác nơi bãi nước uống, là kẻ gieo rắc cái chết trong bãi sậy. Thỉnh thoảng, một con hổ lại vào làng và tha đi một người phụ nữ đang ra giếng lấy nước. Hoặc có khi một con hổ giết chết một người đàn ông đang làm việc ngoài đồng, hay bắt một đứa trẻ đang nghịch đất trước cửa nhà.

Con vật này có cái gì mà Đức Phật có thể ban phúc cho nó ?

Chàng họa sĩ ngồi lặng im và suy nghĩ thật lâu, và cuối cùng chàng nhớ ra rằng một con hổ có thể tận tụy với hổ cái và hổ con như thế nào và nó sẵn sàng đương đầu với bất cứ điều gì khi gia đình hổ gặp nguy hiểm. Chàng nghĩ: “Có thể là đây chính là con đường khó khăn mà loài hổ phải đi qua để đến với Đức Phật. Có thể là trong tình thương có sự hung dữ, và trong sự hung dữ có tình thương.”

Vậy là sau khi đã mở rộng tâm trí để hiểu được ý niệm về tình thương, ngay cả của loài hổ, chàng họa sĩ bất chợt nhớ đến một chi tiết mà chàng từ lâu đã quên. Trước mắt chàng hiện ra hình ảnh hoàng tử Siddhartha giành

được công chúa làm vợ. Trong khi tranh tài cùng những hoàng tử khác, chàng hoàng tử mà sau này trở thành Đức Phật đã kéo được cây cung không bàn tay nào khác có thể kéo, đã cưới được con ngựa không một ai khác có thể cưỡi, và đã chứng tỏ sức mạnh và tài dùng kiếm không ai khác sánh bằng. Từ trên chiếc kiệu vàng của mình công chúa Yosadhara ngồi quan sát, khuôn mặt nàng ẩn sau một tấm mạng che mặt sọc đen và vàng.

Đến lúc người chiến thắng nhận được phần thưởng, cha của công chúa Yosadhara dẫn hoàng tử Siddhartha đến bên cạnh con gái mình. Lúc này hoàng tử thì thào vào tai công chúa, “Dựa vào tấm mạng che mặt của nàng, ta biết rằng nàng nhớ được trong một kiếp trước của mình, nàng là một con hổ cái, và ta là con hổ đực đã thắng được nàng sau khi đánh bại tất cả những con hổ khác.

Như vậy là trong rất nhiều loài thú, Đức Phật đã không ngại đầu thai làm một con hổ, như muốn chứng minh rằng ngay cả đối với một loài vật hung dữ như vậy ta cũng vẫn có thể tìm được một đức tính vĩ đại nào đó. Và sau khi một lần nữa ngồi thiền định, nhưng giờ đây với tấm lòng bao dung hơn, về con vật đẹp đẽ này, nó độc ác nhưng có thể hy sinh quên mình, chàng họa sĩ nhúng cây cọ vẽ vào nước suối, quẹt mực, và vẽ hình một con hổ.

May bước ra khỏi bóng chàng. Khi nó nhìn thấy hình con hổ, toàn thân nó run bần bật, từ đầu đến đuôi, và nó nhìn chàng họa sĩ.

“Nếu con hổ có thể đến tiễn biệt Đức Phật,” dường như nó muốn nói, “vậy thì chắc hẳn loài mèo, vốn nhỏ bé và hiền lành, cũng có thể đến được chứ, thưa cậu chủ? Chắc chắn, chắc chắn là kể đến cậu sẽ vẽ con mèo trong số những con vật được Đấng Thế Tôn ban phúc lành khi ngài tạ thế?”

Chàng họa sĩ cảm thấy thật đau khổ.

“May à,” chàng nói, và nhẹ nhàng ôm nó trong hai tay, “ta sẽ rất vui nếu được vẽ hình một con mèo. Nhưng tất cả mọi người đều biết rằng loài mèo, mặc dù rất dễ thương, thường kiêu ngạo và tự mãn. Loài mèo là loài vật duy nhất từ chối không nhận lời răn dạy của Đức Phật. Chúng là loài vật duy

nhất trong số các loài vật không được Người ban phúc. Có lẽ vì đau buồn nên chúng thường qua lại với các loài yêu ma.”

Lúc này May dúm chiếc đầu nhỏ tròn của nó vào ngực chàng họa sĩ và kêu meo meo như một đứa trẻ đang khóc. Chàng cố hết sức vỗ về nó và gọi bà giúp việc.

“Bác hãy mua một con cá ngon dành riêng cho nó,” chàng nói với bà lão. “Và đừng cho nó vào đây nữa cho đến khi nào cháu vẽ xong bức tranh. Nó sẽ làm tan vỡ trái tim của hai bác cháu ta mất.”

“À, lão vẫn cứ sợ là nó cố ý phá hỏng tranh,” bà lão lo lắng nói. Bà cảm thấy có trách nhiệm vì đã mang con mèo về nhà trái với ý của cậu chủ, và giờ đây vận mệnh của họ phụ thuộc vào bức tranh được nhà chùa đặt vẽ.

“Không phải vậy đâu,” chàng họa sĩ nói, và chàng quay trở lại với dòng suy tư của mình. Trông chàng thật mệt mỏi và tiêu tụy, nhưng bức tranh thì đẹp làm sao! Bức tranh chàng vẽ đã gần xong. Chàng đã tưởng tượng tất cả mọi cuộc sống của mọi sinh vật. Kia là hình Đức Phật vĩ đại sắp viên tịch, trông người uy nghi, mệt mỏi, và đầy từ bi. Kia là nhóm những vị thần và người phàm; và kia là những con vật. Cuộn giấy lụa dường như không đủ lớn để chứa đựng tất cả những sự sống đầy khác biệt này, tất cả mọi sinh linh tụ họp lại thể hiện sự thành kính, thành tâm thực hành yêu thương.

Nhưng có một sinh vật đã bị loại bỏ ra ngoài. Chàng nghe tiếng kêu meo meo yếu ớt vọng đến từ nhà bếp, và giọng bà giúp việc cố gắng dỗ dành May ăn nhưng không được. Chàng họa sĩ tưởng tượng con mèo nhỏ bé của mình có cảm giác ra sao, nó thật dịu dàng, thật dễ thương, nhưng mãi mãi phải chịu một lời nguyền. Tất cả những con vật khác đều có thể được Đức Phật ban phúc và có thể lên Niết bàn, nhưng cánh cửa cõi Niết bàn mãi mãi đóng lại trước mặt con mèo nhỏ. Nước mắt trào ra trong mắt chàng.

“Mình không thể nhẫn tâm như vậy được,” chàng nói. “Nếu các nhà sư muốn từ chối không nhận bức tranh vì nó không chính xác, họ cứ tự nhiên làm vậy. Mình chết đói cũng được.”

Chàng chọn cây cọ vẽ tốt nhất của mình, nhúng vào nước sôi, quẹt mực, và vẽ hình con vật cuối cùng, một con mèo.

Xong xuôi chàng gọi bà giúp việc.

“Để May vào đây,” chàng nói. “Có lẽ cháu đã phá hỏng vận may của bác cháu ta, nhưng ít nhất thì cháu cũng có thể giúp cho con mèo được vui sướng.”

May chạy vào phòng ngay giây phút cánh cửa được kéo mở ra. Nó chạy ngay đến chỗ bức tranh, và đứng nhìn như thể nó có thể nhìn mãi không chán. Rồi nó nhìn chàng họa sĩ chăm chăm với tất cả lòng biết ơn trong ánh mắt. Và rồi trái tim nó ngừng đập, May quá hạnh phúc không thể sống thêm một phút giây nào nữa.

Bài hát thứ bảy của bà giúp việc

Ta thật không thể tin-
(Và ta đã khóc hết nước mắt)
Nhưng May đã chết
Hoàn toàn vì niềm vui.

Ở cuối năm mộ của mèo con
Có một bông hoa và một vỏ ốc,
Trên cây hoa anh đào gần đó
Treo một chiếc chuông nhỏ,

Một chiếc chuông nhỏ cũ kỹ
Với giọng ngân vang dịu êm,
Khi cơn gió thoảng qua
Nó khẽ hát lên, “Hoan hỉ!”

“Hoan hỉ!” nó hát lên
Ngân vang khắp khu vườn,
“Vì May đã chết
Hoàn toàn vì niềm vui.”

Sáng hôm sau khi nghe tin bức tranh đã hoàn tất, vị sư trụ trì đến nhà chàng họa sĩ để xem tranh. Sau những lời chào hỏi nhau, chàng họa sĩ đưa ông đến xem tranh. Nhà sư đứng nhìn rất lâu.

“Bức tranh thật rạng rỡ làm sao,” ông khẽ khàng nói.

Rồi nét mặt ông bỗng sa sầm.

“Nhưng con vật cuối cùng mà anh vẽ là con gì đây?” ông hỏi.

“Đó là con mèo,” chàng họa sĩ trả lời, trái tim chàng nặng trĩu vì tuyệt vọng.

“Anh không biết loài mèo đã bất kính với Đức Phật, và không được ngài ban phúc lành và không được phép vào cõi Niết bàn sao?” vị sư nghiêm khắc hỏi.

“Thưa thầy, tôi biết,” chàng họa sĩ đáp.

“Mỗi người phải gánh chịu hậu quả do hành vi của mình gây ra,” nhà sư nói. “Con mèo phải chịu khổ vì sự cố chấp của nó, và anh cũng vậy vì sự cố chấp của bản thân. Vì không thể xóa bỏ bức tranh đã vẽ, ta sẽ đem tranh đi và ngày mai sẽ chính thức thiêu hủy nó. Tranh của một họa sĩ khác sẽ được treo trong chùa.”

Suốt ngày hôm đó bà giúp việc khóc trong bếp, vì suy cho cùng vì mang con mèo nhỏ về nhà mà bà đã làm hại cậu chủ của mình.

Suốt cả ngày hôm đó chàng họa sĩ ngồi trong căn phòng cạnh những bụi tú cầu và nghĩ ngợi. Bức tranh của chàng đã bị lấy đi, cùng với một phần cuộc đời của chàng gắn liền với nó. Ngày mai các nhà sư sẽ nghiêm khắc thiêu hủy bức tranh trong sân chùa. Từ nay sẽ càng ít người tìm tới nhà chàng mua tranh. Sự nghiệp của chàng đã tiêu tan, và mọi hy vọng của chàng cũng đã tan thành mây khói. Nhưng chàng không hối tiếc việc mình đã làm. Vì trong rất nhiều ngày qua chàng đã sống trong sự suy niệm về tình thương và những tấm gương hy sinh, vì thế chàng không cảm thấy quá đau khổ khi phải chịu khổ để May được hưởng khoảnh khắc vui sướng ấy.

Suốt đêm chàng họa sĩ ngồi trong bóng tối, mắt mở thao láo với bao nỗi suy tư. Bà lão giúp việc không dám quấy rầy. Chàng thấy tia sáng yếu ớt len qua màn cửa và nghe tiếng gió ban mai lùa qua bụi tú cầu. Một giờ sau, chàng nghe tiếng chân rầm rập chạy về phía nhà mình. Các vị sư chùa vây quanh chàng, sư trụ trì giật ống tay áo chàng.

Họ luôn miệng giục chàng: “Tới mau! Tới mau! Tới đi anh! Thật là phép lạ! Ôi, lòng bao dung của Đức Phật! Ôi, lòng từ bi của Đấng Thế Tôn!”

Sửng sốt đến nghẹt thở, chàng họa sĩ theo chân họ chạy một mạch đến chùa mà chẳng để ý cảnh vật hai bên đường. Bên tai chàng vang lên những giọng nói đầy vui mừng, chàng thoáng nhìn thấy bà lão giúp việc của mình với chiếc khăn quàng lệch sang một bên, và một đám đông hàng xóm đang há hốc miệng. Tất cả mọi người cùng ùa vào chánh điện. Ở đó bức tranh của chàng họa sĩ đã được treo lên, cùng với nhang đèn nghi ngút bày ra ở phía trước. Tranh vẫn y nguyên như trong trí nhớ của chàng, nhưng mà không!

Chàng họa sĩ quỳ sụp xuống, kêu lớn: “Ôi, Đức Từ Bi!” Vì chỗ chàng vẽ con mèo giờ đây chỉ còn lại nền lụa trắng, tựa hồ như chưa từng có vết mực nào chạm tới; và Đức Phật – Đức Phật mà chàng đã vẽ đang nằm với hai bàn tay khép lại đặt trên ngực - giờ đã duỗi một cánh tay ra ban phước. Bên dưới bàn tay thánh thiện của ngài là con mèo trắng bé bỏng khép nép quỳ, cái đầu trắng xinh xắn cúi xuống với vẻ cung kính, an lạc.

Bài hát thứ tám của bà giúp việc

Quả là một điều bí ẩn vĩ đại
Lão không sao hiểu được
Lòng từ bi của Đức Phật
Là vô biên, vô cùng.
Quả là một điều phi thường
Không ai nào hiểu được
Tình thương của Đức Phật
Bao phủ khắp thế gian.